

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/DS-ST
Ngày: 31/3/2025
V/v: “Tranh chấp hợp
đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**
- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Loan Trần Hải Yến
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 - Bà Nguyễn Thị Kim Chi
 - Bà Huỳnh Thị Kim Kiên
- **Thư ký phiên tòa:** Bà Vũ Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 783/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2025/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 354/2025/QĐST-DS ngày 04/3/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần N1

Trụ sở tại: Số B, C, phường D, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Số B, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V – chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Đại diện theo ủy quyền:

- Ông Nguyễn Hữu P, sinh năm 1997

- Bà Đỗ Thị Thanh H, sinh năm 1997

Địa chỉ liên hệ: 298, Võ Thị S, khu phố G, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Bà Phạm Trần Tuyết N, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ C, khu phố H, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông P có đơn xin vắng mặt; bà H, bà L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2024 và tại các bản tự khai đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P trình bày:

Bà Phạm Trần Tuyết N có vay vốn với Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 - chi nhánh Đ, được cấp vốn vay trên hình thức phát hành thẻ tín dụng tiêu dùng theo hợp đồng sử dụng thẻ số 0496/2021/706-CV ngày 07 tháng 7 năm 2021 số tiền là 40.000.000 đồng.

Thời gian khi khoản vay thẻ được phát hành vào ngày 07/7/2021 đến tháng 9/2023, bà N luôn tuân thủ đúng nghĩa vụ đã giao kết với Ngân hàng và không phát sinh trễ hạn đóng gốc lãi. Tuy nhiên, kể từ thời điểm tháng 10/2023 khách hàng bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ dẫn đến khoản nợ bị quá hạn nguyên nhân khách hàng mất nguồn thu nhập từ lương thay đổi công tác dẫn đến tình trạng thất nghiệp không còn nguồn tài chính để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chuyên viên quản lý hồ sơ xuống nhà nhưng không gặp được khách hàng. Theo các biên bản làm việc nhắc nợ đến thời điểm (ngày 04/3/2024) mặc dù Ngân hàng đã liên tục làm việc với khách hàng nhiều lần để yêu cầu khách hàng thanh toán nợ nhưng khách hàng chưa hợp tác trong việc xử lý nợ. Do bà Phạm Trần Tuyết N vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ hồ sơ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn ngày 15/02/2024:

+ Thẻ JCB EMV Standard Credit Main Card: 356519xxxxxx4046, số tài khoản 770611266490002. Gốc 15.840.350 đồng, lãi 9.611.885 đồng, phí 800.000 đồng; lãi dự thu: 300.044 đồng

+ Thẻ MC EMV Standard Credit Main Card: 533147xxxxxx6173, số tài khoản: 670611266490001. Gốc 16.435.570 đồng, lãi 3.620.682 đồng, phí: 400.000 đồng và lãi dự thu: 67.131 đồng.

Mặc dù ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc nhiều lần làm việc với bà Phạm Trần Tuyết N yêu cầu khách hàng thanh toán ngay khoản nợ quá hạn đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để khách hàng trả nợ. Tuy nhiên, khách hàng vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho ngân hàng vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng tín dụng đã ký. Do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Phạm Trần Tuyết N phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 23/01/2025 là 55.349.658 đồng. Trong đó gốc 31.915.920 đồng, lãi 21.633.738 đồng, phí 1.800.000 đồng.

Tính đến ngày 31/3/2025, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Trần Tuyết N phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ là 58.123.014 đồng (trong đó nợ là 31.915.920 đồng, tiền lãi là 24.407.094 đồng; phí 1.800.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/4/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Phạm Trần Tuyết N nhưng bà Phạm Trần Tuyết N vắng mặt không có lý do nên không có lời khai.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định. Bị đơn đã được Tòa triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bà Phạm Trần Tuyết N có địa chỉ tại tổ C, khu phố H, phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn ông Nguyễn Hữu P có đơn xin vắng mặt; bà Đỗ Thị Thanh H vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập; Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật cho bà Phạm Trần Tuyết N nhưng bà Phạm Trần Tuyết N vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng thương mại cổ phần N1 khởi kiện yêu cầu bà Phạm Trần Tuyết N thanh toán tiền còn nợ của thẻ tín dụng theo hợp đồng sử dụng thẻ số 0496/2021/706-CV ngày 07/7/2021, nên được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xét thấy:

Bà Phạm Trần Tuyết N có vay vốn với Ngân hàng Thương mại cổ phần N1 - chi nhánh Đ, được cấp vốn vay trên hình thức phát hành thẻ tín dụng tiêu dùng theo hợp đồng sử dụng thẻ số 0496/2021/706-CV ngày 07/7/2021 số tiền là 40.000.000 đồng.

Thời gian khi khoản vay thẻ được phát hành vào ngày 07/7/2021 đến tháng 9/2023, bà N luôn tuân thủ đúng nghĩa vụ đã giao kết với Ngân hàng và không phát sinh trễ hạn đóng gốc lãi. Tuy nhiên, kể từ thời điểm tháng 10/2023 khách hàng bắt đầu vi phạm nghĩa vụ trả nợ dẫn đến khoản nợ bị quá hạn nguyên nhân khách hàng mất nguồn thu nhập từ lương thay đổi công tác dẫn đến tình trạng thất nghiệp không còn nguồn tài chính để thực hiện nghĩa vụ trả nợ, chuyên viên quản lý hồ sơ xuống nhà nhưng không gặp được khách hàng. Theo các biên bản làm việc nhắc nợ đến thời điểm (ngày 04/3/2024) mặc dù Ngân hàng đã liên tục làm việc với khách hàng nhiều lần để yêu cầu khách hàng thanh toán nợ nhưng khách hàng chưa hợp tác

trong việc xử lý nợ. Do bà Phạm Trần Tuyết N nghĩa vụ trả nợ. Nên Ngân hàng đã chuyển toàn bộ hồ sơ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn ngày 15/02/2024:

+ Thẻ JCB EMV Standard Credit Main Card: 356519xxxxxx4046, số tài khoản 770611266490002. Gốc 15.840.350 đồng, lãi 9.611.885 đồng, phí 800.000 đồng; lãi dự thu: 300.044 đồng

+ Thẻ MC EMV Standard Credit Main Card: 533147xxxxxx6173, số tài khoản: 670611266490001. Gốc 16.435.570 đồng, lãi 3.620.682 đồng, phí: 400.000 đồng và lãi dự thu: 67.131 đồng.

Tính đến ngày 31/3/2025, Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Trần Tuyết N phải thanh toán ngay số tiền còn nợ là 58.123.014 đồng (trong đó nợ gốc là 31.915.920 đồng, tiền lãi là 24.407.094 đồng; phí 1.800.000 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/4/2025 cho đến khi trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn cố tình vắng mặt cho thấy bị đơn đã từ bỏ quyền tự chứng minh và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nên Hội đồng xét xử chỉ căn cứ trên chứng cứ của nguyên đơn cung cấp để giải quyết.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp thì việc khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Phạm Trần Tuyết N phải thanh toán số tiền còn nợ là 58.123.014 đồng (trong đó nợ gốc là 31.915.920 đồng, tiền lãi là 24.407.094 đồng; phí 1.800.000 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/4/2025 cho đến khi trả hết nợ là có cơ sở chấp nhận.

Do đó buộc bà Phạm Trần Tuyết N phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N1 số tiền còn nợ là 58.123.014 đồng (trong đó nợ gốc là 31.915.920 đồng, tiền lãi là 24.407.094 đồng; phí 1.800.000 đồng) và tiền lãi phát sinh từ ngày 01/4/2025 cho đến khi trả hết nợ.

[5] Về án phí: Bà Phạm Trần Tuyết N phải chịu số tiền 2.906.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N1 số tiền 982.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[6] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng của Quốc hội số 47/2010/QH12; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N1 đối với bà Phạm Trần Tuyết N về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc bà Phạm Trần Tuyết N có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần N1 tạm tính đến ngày Tòa án xét xử (ngày 31/3/2025) số tiền 58.123.014 đồng (Năm mươi tám triệu một trăm hai mươi ba nghìn không trăm mười bốn đồng); trong đó nợ gốc là 31.915.920 đồng (Ba mươi một triệu chín trăm mười lăm nghìn chín trăm hai mươi đồng; tiền lãi là 24.407.094 đồng (Hai mươi bốn triệu bốn trăm lẻ bảy nghìn không trăm chín mươi bốn đồng); phí 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 01/4/2025 theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ số 0496/2021/706-CV ngày 07/7/2021 cho đến khi trả hết nợ.

Về án phí:

+ Bà Phạm Trần Tuyết N phải chịu số tiền 2.906.000 đồng (Hai triệu chín trăm lẻ sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

+ Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 982.000 đồng (Chín trăm tám mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000496 ngày 17/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.³

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Loan Trần Hải Yến